

Số: **402**/BC-UBND

Hà Nội, ngày **18** tháng **11** năm **2022**

**BÁO CÁO**

**Về việc Báo cáo tài chính Nhà nước thành phố Hà Nội năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính Nhà nước; Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 1/6/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC;

Sau khi xem xét Tờ trình số 703/TTr-KBHN ngày 04/10/2022 của Kho bạc nhà nước (KBNN) Hà Nội kèm theo Báo cáo tài chính nhà nước thành phố Hà Nội năm 2021 đã được Sở Tài chính Hà Nội tham gia ý kiến tại Công văn 5525/STC-QLNS ngày 30/9/2022. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kính trình báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về Báo cáo tài chính nhà nước thành phố Hà Nội năm 2021 như sau:

**Phần thứ nhất**

**TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC  
THÀNH PHỐ NĂM 2021**

**I. Mục đích ý nghĩa**

Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) thành phố Hà Nội được lập cho số liệu năm tài chính 2021. Qua BCTCNN Thành phố, thông tin tài chính nhà nước sẽ được minh bạch hóa, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý tài chính hiện đại, hướng đến phù hợp với thông lệ và chuẩn mực kế toán công quốc tế. Mục tiêu của BCTCNN là cung cấp thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước của thành phố Hà Nội. So với Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, BCTCNN cung cấp

bức tranh đầy đủ và toàn diện hơn về tiềm lực tài chính của khu vực tài chính nhà nước, bao gồm thông tin về: Tài sản công, nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nợ công, thu nhập, chi phí, các tài sản và nguồn vốn khác của nhà nước... Qua đó giúp các nhà quản lý đánh giá hiệu quả chi tiêu công, tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động tài chính nhà nước, phân tích khả năng tài chính của địa phương để đưa ra các giải pháp quản lý sử dụng hiệu quả nguồn lực, quản lý vay nợ, giảm thiểu áp lực chi tiêu và những rủi ro tài chính trong tương lai, giúp duy trì tính ổn định và bền vững, tăng khả năng tín nhiệm của nền tài chính địa phương.

## **II. Căn cứ pháp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về BCTCNN;

Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 về hướng dẫn lập BCTCNN;

Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 1/6/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC;

Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên;

Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã;

Thông tư số 79/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Các văn bản hướng dẫn chế độ kế toán khác.

## **III. Phạm vi BCTCN thành phố Hà Nội**

Theo quy định, số liệu BCTCNN thành phố Hà Nội được tổng hợp từ Báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước: Đơn vị dự toán cấp I, Ủy ban nhân dân xã/phường; cơ quan quản lý tài sản và nguồn vốn của nhà nước, Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do thành phố quản lý, 6 tổ chức chính trị - xã hội (không tổng hợp thông tin tài chính của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp). Qua đó, phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ NSNN Thành phố hoặc do thành phố Hà Nội quản lý.

Số liệu trên BCTCNN thành phố Hà Nội được tổng hợp từ 3.491 Báo cáo cung cấp thông tin của các đơn vị, bao gồm: 3.395 đơn vị dự toán cấp I (trong đó 56 đơn vị thuộc ngân sách Thành phố); số liệu thu của các Chi cục thuế và Cục thuế thành phố Hà Nội; số liệu vay nợ của Thành phố, số liệu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Thành phố quản lý do Sở Tài chính cung cấp và một số số liệu thu, chi ngân sách khác chưa có trong các báo cáo nêu trên được tổng hợp từ hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS); Số liệu về tài sản kết cấu hạ tầng của Thành phố do các cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng của thành phố cung cấp: Sở Giao thông Vận tải là cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn là cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; các UBND quận, huyện, thị xã.

#### **IV. Quy trình lập, gửi BCTCNN Thành phố**

##### ***1. Tiếp nhận Báo cáo cung cấp thông tin tài chính***

KBNN Hà Nội tiếp nhận đầy đủ Báo cáo cung cấp thông tin tài chính (CCTTTC) của các đơn vị:

- Đơn vị dự toán cấp 1:

+ Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không có đơn vị kế toán trực thuộc: Báo cáo tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC và Báo cáo bổ sung thông tin tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 99/2018/TT-BTC.

+ Trường hợp đơn vị dự toán cấp I có đơn vị kế toán trực thuộc: Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo bổ sung thông tin tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 99/2018/TT-BTC.

+ Đơn vị dự toán cấp I khác theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 133/2018/TT-BTC: Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp (hợp nhất) được lập theo hướng dẫn tại Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị.

- Sở Tài chính Hà Nội: cung cấp thông tin về vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính khác do địa phương quản lý; thông tin về nợ chính quyền địa phương, thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng được giao theo dõi, quản lý (nếu có) theo Mẫu số C01/CCTT ban hành kèm theo Thông tư số 39/2021/TT-BTC.

- Cục Thuế Thành phố, chi cục thuế cấp huyện: Cung cấp thông tin tài chính nhà nước năm 2021 liên quan đến các khoản thu thuế và thu nội địa khác được giao quản lý và các khoản thu nội địa vãng lai khác (nếu có);

- Ủy ban nhân dân cấp xã: lập Báo cáo tài chính xã theo hướng dẫn tại

Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã và gửi KBNN cấp huyện;

- Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng của thành phố: Cung cấp số liệu tài sản kết cấu hạ tầng theo Mẫu số C02/CCTT ban hành kèm theo Thông tư số 39/2021/TT-BTC.

- Báo cáo CCTTTC của KBNN quận, huyện: Số liệu liên quan đến hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 và các thông tin tài chính nhà nước khác giao KBNN Thành phố, quận/ huyện theo dõi.

## ***2. Kiểm tra Báo cáo cung cấp thông tin tài chính***

KBNN Hà Nội kiểm tra tính cân đối, hợp lý, hợp lệ trên Báo cáo CCTTTC của các đơn vị như sau:

- Kiểm tra danh mục Báo cáo CCTTTC đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và đúng mẫu quy định.

- Các số liệu chi tiết phù hợp với các số liệu tổng hợp có liên quan, kiểm tra số liệu trên cùng một báo cáo và giữa các báo cáo với nhau.

## ***3. Lập Báo cáo tài chính nhà nước Thành phố***

Báo cáo tài chính nhà nước Thành phố được KBNN Hà Nội lập theo biểu mẫu quy định tại Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ và Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính; Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC; lấy ý kiến tham gia của Sở Tài chính vào các nội dung báo cáo và trình UBND Thành phố để báo cáo HĐND Thành phố; BCTCNN Thành phố năm 2021 được UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố, không qua quy trình thẩm tra, phê duyệt như Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương (theo hướng dẫn tại Công văn số 14165/BTC-KBNN ngày 21/11/2019 của Bộ Tài chính gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

## **V. Một số nguyên tắc cơ bản lập BCTCNN Thành phố**

### ***1. Về cách thức, phương pháp kế toán để tổng hợp BCTCNN Thành phố***

Theo quy định, việc lập các BCTCNN Thành phố dựa trên số liệu kế toán thực thu, chi bằng tiền (kế toán tiền mặt) và số liệu kế toán theo nguyên tắc doanh thu - chi phí được ghi nhận ngay từ khi khu vực nhà nước phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài chính với các đối tượng liên quan (kế toán dồn tích).

### ***2. Về các nội dung phản ánh trên BCTCNN Thành phố***

BCTCNN Thành phố cung cấp thông tin về tình hình tài sản và các nguồn hình thành tài sản tương ứng của khu vực nhà nước trên phạm vi thành phố Hà

Nội; kết quả hoạt động tài chính nhà nước qua số liệu doanh thu và chi phí tài chính; cung cấp về các luồng tiền thực phát sinh trong kỳ báo cáo. Đây cũng là nội dung mà BCTCNN Thành phố bổ sung các thông tin mà Báo cáo quyết toán NSNN hàng năm chưa cung cấp đầy đủ.

Chính vì vậy, số liệu BCTCNN nói chung và BCTCNN Thành phố nói riêng sẽ bổ sung, cung cấp một góc nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về tình hình, nguồn lực tài chính nhà nước cho các cơ quan quản lý, nhân dân và các tổ chức, đơn vị quan tâm.

### **3. Về các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi lập BCTCNN Thành phố**

- Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu, thu hồi, hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện.

- Chi, tạm ứng kinh phí hoạt động; chi, tạm ứng, ứng trước kinh phí chương trình dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản... cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc ngân sách cấp Thành phố.

- Giao dịch nội bộ giữa các đơn vị dự toán cấp I trong phạm vi lập Báo cáo tài chính nhà nước Thành phố (các khoản phải thu và nợ phải trả, các khoản đầu tư tài chính và nhận đầu tư tài chính, doanh thu và chi phí).

## **VI. Danh mục BCTCNN Thành phố**

Các biểu mẫu báo cáo được xây dựng theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, bao quát được tất cả các đối tượng kế toán nhà nước, đảm bảo tính lâu dài và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai. Bao gồm: (1) Báo cáo tình hình tài chính nhà nước Thành phố; (2) Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước Thành phố; (3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Thành phố; (4) Thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước Thành phố.

## **VII. Về việc phối hợp thực hiện BCTCNN Thành phố**

KBNN Hà Nội đã có Văn bản số 654/KBHN-KTNN ngày 23/9/2022 đề nghị Sở Tài chính Hà Nội cho ý kiến về xác nhận số liệu của BCTCNN và tham gia vào dự thảo tờ trình UBND Thành phố về BCTCNN Thành phố báo cáo HĐND Thành phố; Sở Tài chính Hà Nội đã có Công văn số 5523/STC-QLNS ngày 30/9/2022 cơ bản nhất trí với các nội dung của báo cáo.

**Phần thứ hai**  
**NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC**  
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2021**

So với BCTCNN năm 2020, BCTCNN năm 2021 đã được cập nhật, bổ sung một số nội dung chủ yếu sau:

- Đã tổng hợp số liệu tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa do Thành phố quản lý;
- Đã tổng hợp báo cáo của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương quản lý.
- Bổ sung số liệu thuyết minh chi tiết về tài sản cố định của cơ quan, đơn vị.

**I. Về tình hình tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn của Thành phố - Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (THTCNN – Phụ lục I)**

Báo cáo THTCNN Thành phố cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn của Nhà nước trên phạm vi Thành phố tại thời điểm 31/12/2021, phản ánh quy mô và nguồn hình thành tài sản khu vực nhà nước của thành phố.

**1. Về tài sản của Thành phố**

**1.1. Về tổng giá trị tài sản:**

**Giá trị tài sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội tại ngày 31/12/2021 là: 751.654 tỷ đồng. Trong đó bao gồm:**

**1.1.1. Tài sản ngắn hạn:** phản ánh tổng giá trị tại thời điểm kết thúc năm báo cáo của tiền, các khoản tương đương tiền và các tài sản ngắn hạn khác của Nhà nước trên phạm vi Thành phố có thời hạn sử dụng, luân chuyển hoặc thu hồi từ 12 tháng trở xuống. Tài sản ngắn hạn (Mã số 110) là **216.981** tỷ đồng (chiếm 28,87% giá trị tổng tài sản), bao gồm các khoản mục sau:

**Biến động về tài sản ngắn hạn của Thành phố năm 2021**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
<b>Tài sản ngắn hạn</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.179	83,04%	106.699	73.480	68,87%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	602	0,28%	406	196	48,22%
Các khoản phải thu	34.960	16,11%	36.175	-1.215	-3,36%
Hàng tồn kho	1.228	0,57%	1.367	-138	-10,11%

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
Cho vay ngắn hạn	0	0%	0	0	0%
Tài sản ngắn hạn khác	11	0,005%	5	6	107,68%
<b>Tổng cộng</b>	<b>216.981</b>	<b>100%</b>	<b>144.653</b>	<b>72.328</b>	

- Tiền và các khoản tương đương tiền (MS 111)<sup>1</sup> đạt **180.179** tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 83,04% của tài sản ngắn hạn và 23,97% tổng tài sản nhà nước của thành phố; tăng 68,87% so với năm 2020. Trong đó:

Tiền và các khoản tương đương tiền năm 2021 tăng 73.480 tỷ đồng so với năm 2020, tương đương 68,87%. Chủ yếu do:

+ Tăng tồn quỹ của ngân sách các cấp chính quyền địa phương tại KBNN: ngân sách cấp thành phố: 47.558 tỷ đồng, ngân sách quận Long Biên: 5.255 tỷ đồng, quận Nam Từ Liêm: 1.568 tỷ đồng, quận Hoàng Mai: 1.549 tỷ đồng, quận Hà Đông: 1.639 tỷ đồng, quận Bắc Từ Liêm: 1.355 tỷ đồng.

+ Số dư tiền và các khoản tương đương tiền lớn tại một số đơn vị: các đơn vị thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 124 tỷ đồng; các đơn vị thuộc khối Y tế: 520 tỷ đồng, Ủy ban mặt trận Tổ quốc: 483 tỷ đồng và một số Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn.

*Đơn vị: tỷ đồng*

Đơn vị	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
Tồn quỹ NSNN tại KBNN các cấp	167.463	94.731	72.732
Đơn vị dự toán cấp 1	12.716	11.968	748
<b>Tổng</b>	<b>180.179</b>	<b>106.699</b>	<b>73.480</b>

- Đầu tư tài chính ngắn hạn<sup>2</sup> (MS 112) đạt **602** tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,28% của tài sản ngắn hạn, tăng 48,22% so với năm 2020; chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng từ nguồn hoạt động kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp thuộc khối cơ quan Đảng, đoàn và khối y tế như: Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội: 105 tỷ đồng; Thành đoàn Hà Nội: 23 tỷ đồng, Sở y tế: 395 tỷ đồng, Văn phòng UBND Thành phố: 26 tỷ đồng....

<sup>1</sup> Chỉ tiêu này phản ánh toàn bộ giá trị tiền và các khoản tương đương tiền của Nhà nước trên phạm vi tỉnh tại thời điểm kết thúc năm báo cáo.

<sup>2</sup> Phản ánh tổng giá gốc các khoản đầu tư tài chính của Nhà nước trên phạm vi tỉnh có thời hạn thu hồi từ 12 tháng trở xuống tại thời điểm kết thúc năm báo cáo như: tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu, đầu tư vào các loại chứng khoán nợ khác... và đã được loại trừ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

- Các khoản phải thu (MS113)<sup>3</sup> là **34.960** tỷ đồng, chiếm 16,11% tài sản ngắn hạn và 4,65% tổng tài sản nhà nước Thành phố; trong đó chủ yếu là:

+ Các khoản phải thu thuộc NSNN như thuế, phí, lệ phí: 22.576 tỷ đồng (chiếm 64,57%), giảm 451 tỷ đồng (tương đương 1,95%) so với năm 2020;

+ Các khoản phải thu của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế: 1.213 tỷ đồng (các khoản phải thu của cơ quan bảo hiểm xã hội);

+ Các khoản phải thu của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 546 tỷ đồng (Phần lớn là các khoản hạch toán phải thu tại Trung tâm Phát triển quỹ đất gồm: (i) các khoản khách hàng phải nộp khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất của Thành phố; (ii) các khoản hạch toán tiền hỗ trợ GPMB theo các phương án GPMB; (iii) các khoản tạm nhận của các chủ đầu tư, Quỹ đầu tư thành phố để trả tiền hỗ trợ GPMB cho người dân);

+ Các khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho nhà thầu đến kỳ báo cáo chưa đến thời hạn hoàn ứng (Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa xã hội thành phố HN: 816 tỷ đồng; Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội: 705 tỷ đồng; Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TPHN: 316 tỷ đồng; Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: 232 tỷ đồng, BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thanh Trì: 572 tỷ đồng, BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Ứng Hòa: 753 tỷ đồng...)

- Hàng tồn kho<sup>4</sup> (MS 114) là **1.228** tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khá nhỏ (0,57% tài sản ngắn hạn), giảm 138 tỷ đồng tương đương 10,11% so với năm 2020; Hàng tồn kho này chủ yếu là thuốc, vật tư, công cụ, dụng cụ máu, hóa chất, sinh phẩm, dịch truyền... phục vụ khám chữa bệnh cho người bệnh, thuốc tồn kho tại nhà thuốc, tại các Bệnh viện, Trung tâm Y Tế trực thuộc Sở Y Tế: 1.094 tỷ đồng; thuốc thú y phòng chống dịch bệnh của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Hà Nội: 53 tỷ đồng, hàng tồn kho liên quan đến Ban phục vụ lễ tang, Trung tâm Bảo trợ Xã hội, cơ sở cai nghiện... của Sở Lao động Thương binh và Xã hội: 25 tỷ đồng.

<sup>3</sup> Phản ánh toàn bộ giá trị của các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm báo cáo, bao gồm: phải thu các khoản lãi cho vay; phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước; phải thu thuế, phí, lệ phí; phải thu khách hàng; trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác và đã được các khoản phải thu phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

<sup>4</sup> phản ánh toàn bộ giá gốc của các loại hàng tồn kho của Nhà nước trên phạm vi tỉnh tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo



- Tài sản ngắn hạn khác<sup>5</sup> (MS 116): là 11 tỷ đồng, tăng gần 6 tỷ đồng tương đương 107,68% so với năm 2020. Trong đó, tài sản của các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế: 2,6 tỷ đồng; Sở Tài nguyên và Môi trường: 3 tỷ đồng; Thành đoàn Hà Nội: 442 triệu đồng, Thành ủy Hà Nội: 346 triệu đồng, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: 804 triệu đồng.

**1.1.2. Tài sản dài hạn:** phản ánh giá trị hoặc giá trị còn lại của các loại tài sản Nhà nước trên phạm vi tỉnh có thời hạn thu hồi, sử dụng trên 12 tháng tại thời điểm kết thúc năm báo cáo. Giá trị tài sản dài hạn (MS 130) là **534.673** tỷ đồng (chiếm 71,13% giá trị tổng tài sản), bao gồm các khoản mục sau:

### **Biến động về tài sản dài hạn của Thành phố năm 2021**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
<b>Tài sản dài hạn</b>					
Đầu tư tài chính dài hạn	30.007	5,61%	29.980	27	0,09%
<i>Trong đó:</i>					
-Vốn nhà nước tại các doanh nghiệp	30.007		29.795	212	0,71%
- Vốn góp	0		0		
- Đầu tư tài chính dài hạn khác	0		185	-185	-100,00%
Cho vay dài hạn	0		0	0	
Xây dựng cơ bản dở dang	181.324	33,91%	144.308	37.016	25,65%
Tài sản cố định hữu hình	184.920	34,59%	187.079	-2.159	-1,15%
<i>Trong đó:</i>					
- Tài sản kết cấu hạ tầng	126.294		128.954	-2.660	-2,06%
- Bất động sản, nhà cửa, thiết bị	58.626		58.125	501	0,86%
Tài sản cố định vô hình	133.589	24,99%	101.788	31.801	31,24%
Tài sản dài hạn khác	4.833	0,90%	857	3.976	464,1%
<b>Tổng cộng</b>	<b>534.673</b>	<b>100%</b>	<b>464.012</b>	<b>70.661</b>	

- Vốn nhà nước tại doanh nghiệp (MS 132) (đầu tư tài chính dài hạn) là **30.007** tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,61% của tài sản dài hạn. Theo báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số 4598/STC-TCĐN ngày 19/8/2022 về việc cung cấp thông tin tài chính doanh nghiệp phục vụ lập BCTCNN Thành phố năm 2021, tại thời điểm 31/12/2021, số doanh nghiệp do nhà nước giữ 100% vốn điều lệ thuộc

<sup>5</sup> phản ánh tổng giá trị của các tài sản ngắn hạn khác của Nhà nước trên phạm vi tỉnh (không được phân loại là một trong các tài sản ngắn hạn kể trên), có thời hạn thu hồi hoặc sử dụng từ 12 tháng trở xuống tại thời điểm kết thúc năm báo cáo

UBND Thành phố là 27 doanh nghiệp (gồm: 04 Tổng công ty, 04 Công ty mẹ - công ty con, 16 Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước, 03 Công ty 100% vốn nhà nước) và 29 doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước. Theo số liệu tổng hợp báo cáo tài chính năm 2021 của 49/56 doanh nghiệp (24/27 doanh nghiệp do nhà nước giữ 100% vốn điều lệ và 25/29 doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư)<sup>6</sup>, tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2021 như sau:

\* Kết quả tổng hợp số liệu báo cáo tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp do nhà nước giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND thành phố Hà Nội như sau:

- + Tổng tài sản là 41.122 tỷ đồng.
- + Tổng số nợ phải trả là 15.288 tỷ đồng.
- + Tổng vốn chủ sở hữu là 25.834 tỷ đồng.
- + Tổng doanh thu là 13.084 tỷ đồng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của 24 doanh nghiệp như sau:

- + 21 doanh nghiệp kinh doanh có lãi, với tổng số lãi là 1.180 tỷ đồng.
- + 02 doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, với tổng số lỗ phát sinh là 13,83 tỷ đồng; trong đó: (1) Công ty TNHH một thành viên Điện ảnh Hà Nội lỗ 13,4 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí tiền thuê nhà, thuê đất cao trong khi doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính là chiếu phim rất thấp, không đủ bù đắp chi phí; (2) Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu và Đầu tư xây dựng phát triển Hà Nội lỗ 418 triệu đồng do doanh nghiệp có vướng mắc về tài chính, tài sản liên quan đến dự án liên doanh tại Khu đất B5 Cầu Diễn đã có phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, doanh thu thấp không đủ bù đắp được các chi phí phát sinh).

+ Đối với Công ty TNHH một thành viên Đường sắt Hà Nội mới chính thức được tiếp nhận bàn giao để quản lý vận hành kinh doanh khai thác thương

---

<sup>6</sup> Số doanh nghiệp không có báo cáo là 07 doanh nghiệp:

- 03 doanh nghiệp do nhà nước giữ 100% vốn điều lệ gồm: Công ty Kỹ thuật điện thông, Cửa hàng Lương thực 60 Ngô Thì Nhậm, Công ty Ăn uống và dịch vụ du lịch Sóc Sơn; đây là các doanh nghiệp có khó khăn, vướng mắc về tài chính kéo dài, thuộc đối tượng bán, giải thể, phá sản, hàng năm không nộp báo cáo.

- 04 doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư, gồm:

+ 02 công ty cổ phần do nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ (các Công ty cổ phần Cơ điện công trình, Điện tử Giảng Võ): đây là các doanh nghiệp có tồn tại, vướng mắc về tài chính, tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp, Sở Tài chính đã nhiều lần có văn bản đôn đốc nộp báo cáo tài chính theo quy định, tuy nhiên doanh nghiệp không thực hiện.

+ 02 doanh nghiệp nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ (Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt may, Công ty Liên doanh Norfolk Hatexco): đây là các doanh nghiệp liên doanh có vốn góp của nhà nước, theo quy định không phải nộp báo cáo tài chính hàng năm về Sở Tài chính.

mại từ ngày 06/11/2021, nên hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 chỉ diễn ra khoảng gần 02 tháng cuối năm, với doanh thu khoảng 7,4 tỷ đồng.

→ Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách là 1.716 tỷ đồng.

\* Kết quả tổng hợp số liệu báo cáo tài chính năm 2021 các doanh nghiệp có vốn nhà nước đầu tư (gồm 12 doanh nghiệp do nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ và 13 doanh nghiệp do nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ) như sau:

+ Tổng vốn điều lệ của các doanh nghiệp là 5.177 tỷ đồng, trong đó vốn góp của Nhà nước là 3.430 tỷ đồng, chiếm 66,25% vốn điều lệ.

+ Tổng tài sản là 12.433 tỷ đồng.

+ Tổng số nợ phải trả là 5.634 tỷ đồng.

+ Vốn chủ sở hữu là 6.826 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước là 4.173 tỷ đồng.

+ Tổng doanh thu là 6.463 tỷ đồng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của 25 doanh nghiệp như sau:

+ 19 doanh nghiệp kinh doanh có lãi, với tổng số lãi là 466,3 tỷ đồng.

+ 06 doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, với tổng số lỗ phát sinh là 40,1 tỷ đồng; trong đó một số doanh nghiệp phát sinh lỗ lớn như: Công ty cổ phần Mai Động lỗ 16,9 tỷ đồng do hoạt động sản xuất kinh doanh chính là sản xuất, kinh doanh các loại ống, trụ nước, sản phẩm đúc, cơ khí không hiệu quả; Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế lỗ 21,3 tỷ đồng do trích lập dự phòng phải thu khó đòi mới ... Ngoài các nguyên nhân trên, đa phần các doanh nghiệp còn chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid-19 dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, doanh thu không đủ bù đắp chi phí.

→ Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách là 336,7 tỷ đồng.

- Chỉ tiêu xây dựng cơ bản dở dang<sup>7</sup> (MS 136) là **181.324** tỷ đồng tăng 37.016 tỷ đồng tương đương 25,65% so với năm 2020. Số liệu phát sinh chủ yếu ở các đơn vị sau:

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Tên đơn vị	Số tiền
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Tây Hồ	2.301
Trung tâm phát triển quỹ đất Bắc Từ Liêm	2.617
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Gia Lâm	1.123

<sup>7</sup> Phản ánh tổng giá trị các chi phí liên quan đến việc mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản và nâng cấp TSCĐ dở dang cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc đã hoàn thành nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng tại các đơn vị trong khu vực nhà nước trên phạm vi thành phố

Tên đơn vị	Số tiền
Trung tâm phát triển quỹ đất Sóc Sơn	1.945
Trung tâm Phát triển quỹ đất Đông Anh	259
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quốc Oai	692
Trung tâm phát triển quỹ đất Long Biên	282
Phòng Quản lý đô thị huyện Hoài Đức	154
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Mê Linh	507
Ban quản lý đầu tư XD Thanh Trì	3.577
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Thanh Xuân	2.839
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mỹ Đức	2.527
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Ứng Hòa	1.693
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đan Phượng	871
Ban quản lý dự án ĐTXD quận Hoàn Kiếm	660
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Sóc Sơn	2.116
Ban QL đầu tư xây dựng Cầu Giấy	4.469
Ban QL dự án và đầu tư quận Ba Đình	2.709
Ban Quản lý dự án Long Biên	8.373
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai	7.657
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Đống Đa	3.475
Ban quản lý dự án Bắc Từ Liêm	7.217
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Hà Đông	7.805
Ban QLDA ĐTXD Quốc Oai	5.317
BQL dự án ĐTXD Thị xã Sơn Tây	1.576
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Hai Bà Trưng	6.150
Ban QLDAĐTXD Đông Anh	5.307
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gia Lâm	9.145
Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Thường Tín	2.051
Sở Tài nguyên và Môi trường	4.182
BQLDA ĐTXD công trình giao thông TP Hà Nội	29.012
Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa xã hội thành phố HN	10.104
BQL đường sắt đô thị Hà Nội	16.750

Tên đơn vị	Số tiền
Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	11.697
Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TPHN	9.772
Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	3.418

- Tài sản cố định hữu hình<sup>8</sup> (MS 137) là 184.920 tỷ đồng, chiếm 24,6% so với tổng tài sản. Trong đó:

+ Bất động sản, nhà cửa thiết bị được trang bị cho đơn vị dự toán cấp I quản lý là 58.626 tỷ đồng (tăng 0,86% so với năm 2020);

+ Số liệu tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa<sup>9</sup> theo báo cáo của Sở giao thông Vận tải Hà Nội: 121.179 tỷ đồng, UBND huyện Mỹ Đức: 2.002 tỷ đồng, UBND huyện Chương Mỹ: 513 tỷ đồng, UBND quận Tây Hồ: 1.879 tỷ đồng, UBND quận Hai Bà Trưng: 271 tỷ đồng, UBND huyện Đông Anh: 12 tỷ đồng, UBND thị xã Sơn Tây: 49 tỷ đồng; Số liệu tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo báo cáo của Sở Xây dựng là 389 tỷ đồng.

- Tài sản cố định vô hình (MS 140) là 133.589 tỷ đồng, tăng 31.801 tỷ đồng tương đương 31,24% so với năm 2020. Tài sản cố định vô hình của các đơn vị bao gồm: Quyền sử dụng đất, bản quyền, chương trình phần mềm máy tính,... Theo báo cáo giải trình, thuyết minh của các đơn vị, chỉ tiêu này tăng nhiều so với năm 2020 là chủ yếu do một số đơn vị trên địa bàn tiếp tục triển khai thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất theo qui định tại chương XI của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Quyết định 30/2019/QĐ-UBND về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ 01/01/2020 - 31/12/2024.

### Danh sách một số đơn vị có giá trị tài sản vô hình lớn trên địa bàn

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tên đơn vị	Số tiền
UBND phường Trung Văn	893
TH Trung Yên	516

<sup>8</sup> phản ánh toàn bộ giá trị còn lại (nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế và khấu hao lũy kế) của các loại tài sản cố định hữu hình của Nhà nước trên phạm vi tính tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo và được chi tiết theo: Tài sản kết cấu hạ tầng; Bất động sản, nhà cửa, thiết bị.

<sup>9</sup> KBNN Hà Nội thực hiện cập nhật số liệu năm đầu kỳ và cuối kỳ năm 2021 dẫn đến có sự khác biệt giữa số cuối kỳ năm 2020 trên BCTCNN TP năm 2020 và đầu kỳ năm 2021 trên BCTCNN TP năm 2021

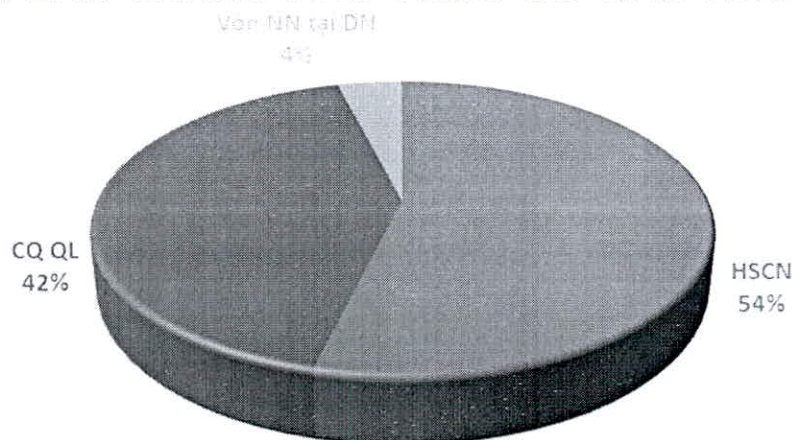
Tên đơn vị	Số tiền
Trung tâm VH thông tin và thể thao Quận Ba Đình	1.470
UBND phường Cổ Nhuế 2	554
Văn phòng HĐND-UBND	547
UBND Phường Xuân Đình	725
Văn phòng HĐND UBND quận Đống Đa	712
UBND phường Đại Mỗ	588
UBND phường Mỹ Đình 1	606
UBND phường Hoàng Liệt	7.603
UBND phường Me Tri	1.103
Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao quận Thanh Xuân	626
Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao quận Bắc Từ Liêm	1.974
Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện Gia Lâm	728
Ban quản lý Chợ Hôm - Đức Viên	573
UBND Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	559
Sở Giáo dục và Đào tạo	5.618
Văn phòng UBND Thành phố	2.800
Sở Lao động Thương binh và Xã hội	6.735
Thành đoàn Hà Nội	648
Sở Y tế	5.101
Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội	2.138
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	619

- Tài sản dài hạn khác (MS 141): **4.833** tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,9% tài sản dài hạn và 0,64% tổng tài sản, tăng 3.976 tỷ đồng so với năm 2020. Trong đó chủ yếu là tài sản của các đơn vị: Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội: 3.390 tỷ đồng, Sở Giao thông Vận tải Hà Nội: 69 tỷ đồng, BQL đường sắt đô thị Hà Nội: 859 tỷ đồng.

## 1.2. Về cơ cấu tài sản

**1.2.1. Theo cơ cấu theo khu vực:** Tài sản của thành phố gồm 03 nhóm:

## TÀI SẢN THÀNH PHỐ THEO CƠ CẤU KHU VỰC



- Tài sản của Thành phố trong khu vực Hành chính sự nghiệp (HCSN) là: 404.964 tỷ đồng (chiếm 53,88% tổng tài sản của Thành phố), tăng so với thời điểm 31/12/2020 chủ yếu do các đơn vị tăng tài sản cố định hình thành từ mua sắm, công trình hoàn thành, kiểm kê ghi nhận bổ sung tài sản, đánh giá lại quyền sử dụng đất,...

- Tài sản của Nhà nước trong khu vực Doanh nghiệp có vốn nhà nước (giá trị vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính do Thành phố quản lý) là 30.007 tỷ đồng (chiếm 3,99% tổng tài sản của Thành phố).

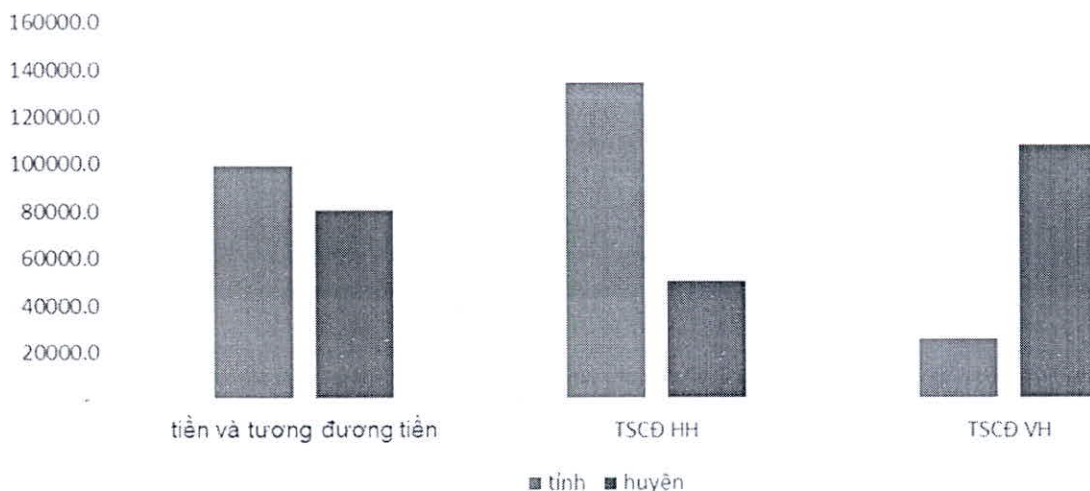
- Tài sản kết cấu hạ tầng hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hạ tầng cấp nước sạch là 126.294 tỷ đồng, chiếm 16,8% tổng tài sản của Thành phố; tài sản của quỹ NSNN (tiền, các khoản thuế phải thu,...) là 190.389 tỷ đồng (chiếm 25,33% tổng tài sản của Thành phố).

### 1.2.2. Theo cơ cấu cấp tỉnh và huyện

- Tài sản của Thành phố tại cấp tỉnh là 390.854 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 52% tổng tài sản của Thành phố; trong đó các khoản mục chủ yếu gồm: Các khoản tiền và tương đương tiền là 99.619 tỷ đồng, chiếm 55,29% trong cơ cấu tỉnh – huyện; tài sản cố định hữu hình là 134.692 tỷ đồng, chiếm 72,84%; tài sản cố định vô hình là 25.623 tỷ đồng, chiếm 19,18%.

- Tài sản của Thành phố tại huyện là 360.800 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 48% tổng tài sản của Thành phố; trong đó các khoản mục chủ yếu gồm: Các khoản tiền và tương đương tiền là 80.560 tỷ đồng, chiếm 44,71% trong cơ cấu tỉnh – huyện; tài sản cố định hữu hình là 50.227 tỷ đồng, chiếm 27,16%; tài sản cố định vô hình là 107.966 tỷ đồng, chiếm 80,82%.

## TÀI SẢN THÀNH PHỐ THEO CƠ CẤU CẤP TỈNH - HUYỆN



### 1.3. Đánh giá tổng quát:

Tài sản của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2021 tăng 142.989 tỷ đồng tương đương 23,49% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 73.480 tỷ đồng, chủ yếu là do biến động chỉ tiêu tiền của các cơ quan, đơn vị trong khu vực Nhà nước tăng 748 tỷ đồng; tồn quỹ NSNN cấp tỉnh và cấp huyện tăng 72.732 tỷ đồng.

Số liệu tồn quỹ NSNN năm 2021 có sự biến động lớn là do có sự thay đổi về thời điểm chốt số liệu để lập BCTCNN của Kho bạc Nhà nước: tồn quỹ NSNN năm 2020 được tính đến hết thời gian chính lý quyết toán, tồn quỹ NSNN năm 2021 được tính đến thời điểm 31/12/2021.

- Các khoản phải thu giảm 1.215 tỷ đồng, trong đó phải thu khách hàng, phải thu khác của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong khu vực Thành phố giảm 694 tỷ đồng; phải thu thuộc NSNN như thuế, phí, lệ phí giảm 451 tỷ đồng.

- Số liệu tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa trên địa bàn đã được cập nhật vào BCTCNN 2021; Tài sản cố định (hữu hình và vô hình) được trang bị cho đơn vị dự toán cấp I quản lý tăng 32.302 tỷ đồng.

### 2. Về nợ phải trả và nguồn vốn

Tương ứng với giá trị tài sản, BCTHTCNN Thành phố phản ánh nguồn hình thành các tài sản. Các tài sản được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn của nhà nước (được hình thành và tích lũy qua các năm từ hoạt động thu chi tài chính, ngân sách) và nguồn thặng dư (lũy kế).



**2.1. Về nợ phải trả:** Giá trị nợ phải trả của thành phố Hà Nội tại thời điểm 31/12/2021 là **27.945** tỷ đồng, tăng 40,2% so với năm 2020, chỉ chiếm 3,76% tổng nợ phải trả và nguồn vốn.

### **Biến động về nợ phải trả của Thành phố năm 2021**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>18.224</b>		<b>12.925</b>		<b>40,9%</b>
Nợ ngắn hạn	42	0,15%	79	-37	-46,89%
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	18.182	65,06%	12.846	5.336	41,54%
<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>9.721</b>		<b>7.007</b>		<b>38,7%</b>
Nợ dài hạn (86% là nợ chính quyền địa phương)	9.393	33,61%	6.567	2.827	43,05%
Các khoản phải trả dài hạn khác	328	1,17%	440	-112	-25,50%
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.945</b>	<b>100%</b>	<b>19.931</b>	<b>8.014</b>	<b>40,2%</b>

#### **2.1.1. Về nợ phải trả ngắn hạn**

Nợ phải trả ngắn hạn (MS 210) là **18.224** tỷ đồng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu Nợ phải trả (chiếm 65,21% giá trị Nợ phải trả), Trong đó:

- Nợ ngắn hạn (MS 211) là 42 tỷ đồng chủ yếu gồm nợ vay của: Sở Y tế: 6,8 tỷ đồng (do nợ nhà cung cấp, người bán thuốc), Trung tâm Phát triển quỹ đất Sóc Sơn: 31,8 tỷ đồng (vay vốn phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất)...

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác (MS 215) là **18.182** tỷ đồng chiếm tỷ trọng 99,77% nợ phải trả ngắn hạn, bao gồm:

+ Các khoản bệnh nhân đặt cọc, đặt cọc các hợp đồng mua tài sản, trang thiết bị, phí hành nghề y dược, các khoản viện trợ, nợ nhà cung cấp, người bán thuốc... của Sở Y tế: 3.146 tỷ đồng.

+ Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, tiền đấu giá quyền sử dụng đất của khách hàng của Trung tâm Phát triển quỹ đất các huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường: 3.841 tỷ đồng (hạch toán phải trả tại Trung tâm Phát triển quỹ đất của: (i) các khoản khách hàng phải đặt cọc khi tham gia đấu giá các khu đất của Thành phố, sau khi kết thúc đấu giá những người không trúng đấu giá sẽ được hoàn trả lại tiền đặt cọc; (ii) các khoản tạm nhận của các chủ đầu tư, Quỹ đầu tư thành phố để trả tiền hỗ trợ GPMB cho người dân); Trung tâm Phát triển quỹ đất

huyện Quốc Oai: 486 tỷ đồng; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm: 295 tỷ đồng (trả tiền hỗ trợ GPMB cho người dân)...

### 2.1.2. Về nợ phải trả dài hạn

Nợ phải trả dài hạn (MS 230) là **9.721** tỷ đồng tương đương 34,79% tổng nợ phải trả. Trong đó vay nợ của chính quyền địa phương (MS 234) là **8.818** tỷ đồng<sup>10</sup>. Theo báo cáo của Sở Tài chính, đây là số vay nợ của các dự án: Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (tại thành phố Hà Nội): 128 tỷ đồng; Tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn Nhôn – ga Hà Nội: 6.476 tỷ đồng; Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn – ga Hà Nội: 44 tỷ đồng; Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án tuyến đường sắt đô thị số 3 Hà Nội: 4 tỷ đồng; Cầu Hữu nghị - Việt Tân (Cầu Nhật Tân): 230 tỷ đồng; Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông: 1.935 tỷ đồng.

### 2.1.3. Đánh giá chung

Tổng công nợ của Thành phố là **27.945** tỷ đồng<sup>11</sup> so với tổng tài sản của Thành phố là **751.654** tỷ đồng, tương đương 3,72%; Đây là tỷ lệ rất nhỏ, cho thấy Thành phố có khả năng tự chủ tài chính cao và có thể đáp ứng được các nghĩa vụ nợ vào thời điểm hiện tại.

## 2.2. Về nguồn vốn

Nguồn vốn của Nhà nước trên phạm vi thành phố tại ngày 31/12/2021 đạt **723.709** tỷ đồng, chiếm 96,28% tổng nợ phải trả và nguồn vốn.

### Biến động về nguồn vốn của Thành phố năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
Nguồn vốn hình thành tài sản	464.480	64,18%	382.022	82.458	21,58%
Thặng dư/Thâm hụt lũy kế	233.699	32,29%	184.752	48.946	26,49%
Nguồn vốn khác	25.530	3,53%	21.960	3.570	16,26%
<b>Tổng cộng</b>	<b>723.709</b>	<b>100%</b>	<b>588.734</b>	<b>134.975</b>	

<sup>10</sup> Theo báo cáo của Sở Tài chính, số liệu vay trong năm và số dư nợ được xác định trên cơ sở ghi thu, ghi chi qua Kho bạc, Dự án Cầu hữu nghị Việt – Nhật (Cầu Nhật Tân) là dự án của Trung ương. Thành phố Hà Nội nhận nợ và trả nợ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông là dự án của Trung ương. Thành phố Hà Nội nhận nợ và trả nợ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (đã nhận nợ 83.585.484 USD, tương đương 1.935.505 triệu đồng vào tháng 11 năm 2021 và bắt đầu trả nợ từ năm 2022)

<sup>11</sup> Trong đó dư nợ của chính quyền địa phương là 8.818 tỷ đồng chiếm 3,5% tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều so với mức dư nợ vay được quy định tại Điều 7, Luật NSNN 2015 đối với thành phố Hà Nội là 60%.

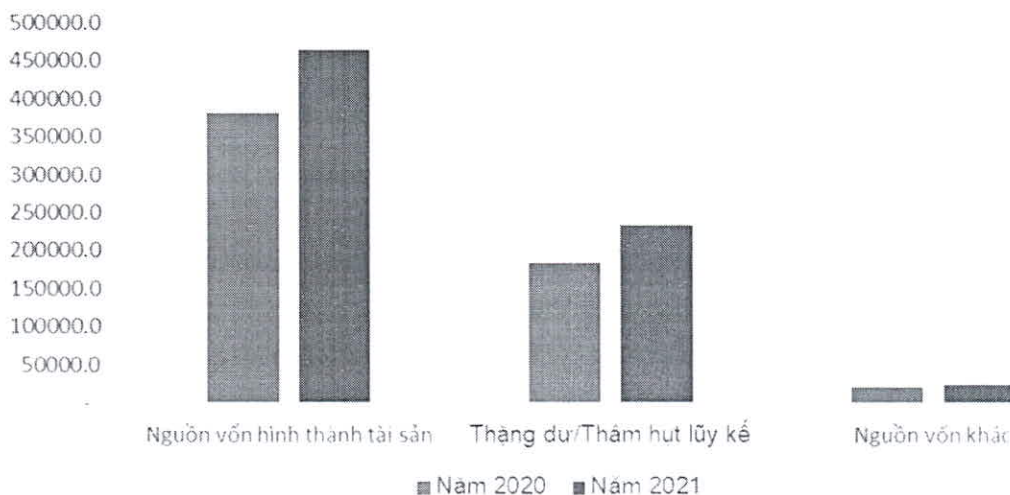
- Nguồn vốn hình thành tài sản (MS 310) là **464.480** tỷ đồng, chiếm 64,18% tổng nguồn vốn, phản ánh giá trị còn lại của TSCĐ được trang bị hoặc giao quản lý cho các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước và nguồn vốn kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thặng dư lũy kế (MS 320) đạt **233.699** tỷ đồng (chiếm 32,29% tổng nguồn vốn), phản ánh kết quả hoạt động thu chi tài chính, ngân sách được hình thành, tích lũy qua các năm chưa được phân phối, sử dụng. Số liệu chỉ tiêu này được tổng hợp từ số dư đầu kỳ của chỉ tiêu “thặng dư/thâm hụt lũy kế” trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước tỉnh và chỉ tiêu “thặng dư/thâm hụt” trong năm trên Báo cáo kết quả hoạt động tài chính tỉnh cùng kỳ báo cáo. Sau đó, trừ đi tổng các chỉ tiêu: “Phân phối cho các quỹ”, “Kinh phí cải cách tiền lương”, “Phân phối khác” trên Báo cáo bổ sung thông tin tài chính của KBNN cấp huyện và trên Báo cáo kết quả hoạt động/Báo cáo kết quả hoạt động tổng hợp của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh; chỉ tiêu “Phân phối cho các quỹ”, “Phân phối khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động của BQLDA; số trích quỹ dự trữ tài chính từ kết dư ngân sách địa phương hàng năm trên Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của KBNN cấp tỉnh.

- Nguồn vốn khác (MS 330) đạt **25.530** tỷ đồng (chiếm 3,53% tổng nguồn vốn). Nguồn vốn khác được hình thành từ “Nguồn vốn kinh doanh”, “Các quỹ”, “Tài sản thuần khác”, “Tài sản thuần của đơn vị thực hiện chế độ kế toán khác” trên Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh; “Các quỹ”, “Tài sản thuần khác” trên Báo cáo tình hình tài chính của BQLDA .

### Tình hình biến động của nguồn vốn của Thành phố

#### BIẾN ĐỘNG VỀ NGUỒN VỐN



Tổng nguồn vốn năm 2021 tăng so với năm 2020 là **134.975** tỷ đồng, tương đương 22,93% tương ứng với giá trị tài sản tăng (tài sản kết cấu hạ tầng đã cập nhật số liệu, các đơn vị mua sắm tài sản...).

## II. Về kết quả hoạt động tài chính nhà nước 2021 (Phụ lục II đính kèm)

Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước (BCKQHĐTCNN) năm 2021 phản ánh tình hình thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động tài chính của khu vực nhà nước trên địa bàn Thành phố năm 2021. Đối với doanh nghiệp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính. Đối với khu vực nhà nước, báo cáo này chỉ ra sự cân bằng giữa thu nhập (doanh thu) và chi phí trong từng kỳ kế toán của khu vực nhà nước, trong đó tập trung vào hoạt động thu, chi thuộc NSNN và các hoạt động ngoài NSNN của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước.

### 1. Tổng thu nhập của Thành phố

Năm 2021 tổng thu nhập (MS 30) của thành phố Hà Nội là **109.713** tỷ đồng, trong đó doanh thu thuộc NSNN (MS 02) chiếm tỷ trọng lớn (88,26% tổng thu nhập), đạt **96.829** tỷ đồng.

### Biến động về doanh thu của Thành phố năm 2021

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
Doanh thu thuộc ngân sách nhà nước	96.829	88,26%	107.687	-10.858	-10,08%
Doanh thu không thuộc ngân sách nhà nước	12.883	11,74%	15.208	-2.324	-15,28%
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.713</b>	<b>100%</b>	<b>122.895</b>	<b>-13.183</b>	

#### 1.1. Doanh thu thuộc NSNN

Doanh thu thuộc NSNN đạt 96.829 tỷ đồng trong đó chủ yếu là doanh thu từ thuế (MS 03) đạt **58.358** tỷ đồng (chiếm 60,27% doanh thu thuộc NSNN) và doanh thu khác (MS 08) đạt **29.803** tỷ đồng (chiếm 30,78% doanh thu thuộc NSNN) chủ yếu thu từ cấp quyền khai thác tài nguyên, khoáng sản, vùng trời, vùng biển, tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất mặt nước...

## Biến động về doanh thu thuộc Ngân sách nhà nước năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
Doanh thu thuế	58.358	60,27%	55.441	2.917	5,26%
Doanh thu phí, lệ phí	7.748	8,03%	6.994	754	10,78%
Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước	910	0,94%	834	77	9,21%
Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại	10	0,01%	12	-2	-19,84%
Doanh thu khác	29.803	30,78%	44.407	-14.603	-32,89%
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.829</b>	<b>100%</b>	<b>107.687</b>	<b>-10.858</b>	<b>-10,08%</b>

Doanh thu thuế thu nhập doanh nghiệp<sup>12</sup> có số phát sinh lớn tại một số đơn vị như: NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam: 5.708 tỷ đồng, NHTM cổ phần Công thương Việt Nam: 3.847 tỷ đồng, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: 3.095 tỷ đồng. Phí, lệ phí phải nộp giảm tại một số đơn vị (Công ty cổ phần tập đoàn FLC: giảm 2,5 tỷ đồng, Chi cục giám định xây dựng: giảm 3,6 tỷ đồng....)

Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại chủ yếu cho các dự án của các đơn vị thuộc Sở Y tế: 4,6 tỷ đồng; Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội: 1,3 tỷ đồng...

Doanh thu khác chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu thuộc ngân sách nhà nước (chiếm 30,78% tổng doanh thu thuộc NSNN). Doanh thu khác bao gồm: các khoản thu nhận bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước không gắn với chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi vốn của nhà nước (tài sản nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế), tiền thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, thu từ cấp quyền khai thác tài nguyên, khoáng sản, vùng trời, vùng biển, tiền cho thuê mặt đất mặt nước, các khoản tiền chậm nộp...

Tổng doanh thu thuộc NSNN giảm 10,08% so với năm 2020, phần lớn do giảm doanh thu khác. Doanh thu khác giảm mạnh (32,89% so với năm 2020) chủ yếu do áp dụng các chính sách mới: Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh chịu tác động của dịch Covid-19; Các đơn vị có quyết định gia hạn thời gian các khoản nộp chậm thuế; Các đơn vị được giảm 30% tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền

<sup>12</sup> Tổng thu thuế TNDN, chưa tính tỷ lệ phân chia

thuế và xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN.

## 1.2. Doanh thu không thuộc NSNN

### Biến động về doanh thu không thuộc Ngân sách nhà nước năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	11.572	89,82%	13.537	-1.964	-14,51%
Doanh thu hoạt động khác	1.311	10,18%	1.671	-360	-21,55%
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.883</b>	<b>100%</b>	<b>15.208</b>	<b>-2.324</b>	<b>-15,28%</b>

- Tổng doanh thu không thuộc NSNN phát sinh trong năm 2021 của đơn vị sự nghiệp công lập từ nguồn xã hội hóa, từ giá dịch vụ chung, giá dịch vụ xử lý nước thải, doanh thu từ bán hồ sơ mời thầu... của các ban quản lý là **12.883** tỷ đồng, chiếm 11,74% tổng thu nhập; so với năm 2020, số thu 2021 giảm 2.324 tỷ đồng tương ứng 15,28%, chủ yếu do số thu của các đơn vị sự nghiệp (như các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa và Thể thao...) sụt giảm vì chịu tác động ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ là 11.572 tỷ đồng, chiếm 89,82% doanh thu không thuộc NSNN. Trong đó, các đơn vị thuộc Sở Y tế thu 8.461 tỷ đồng tương đương 73,13%, bao gồm thu BHYT (thu giá theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019), thu không BHYT (giá theo Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019), thu dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu (các loại khám chữa bệnh do bệnh nhân yêu cầu, dịch vụ tiêm vắc xin, các dịch vụ y tế dự phòng ...), thu dịch vụ xã hội hóa, liên doanh liên kết, thu khám chữa bệnh, thu nhà thuốc, khám sức khỏe...; Sở Giáo dục và Đào tạo: 470 tỷ đồng; Sở Tài nguyên và Môi trường: 225 tỷ đồng; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: 476 tỷ đồng; Thành ủy Hà Nội: 148 tỷ đồng...

## 2. Tổng chi phí của thành phố

### 2.1. Chi phí từ nguồn NSNN

Năm 2021, tổng chi phí của Thành phố (MS 70) là **58.196** tỷ đồng, chủ yếu là chi phí từ nguồn NSNN (MS 32) đạt **42.920** tỷ đồng (chiếm 73,75% tổng chi phí). Trong đó:

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người (MS 33), đạt **17.131** tỷ đồng (chiếm 39,91% chi phí từ nguồn NSNN). Các đơn vị có số chi lớn gồm:

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: 1.179 tỷ đồng (tỷ lệ chi cho con người trong lĩnh vực giáo dục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi thường xuyên của Sở Giáo dục và Đào tạo). Đến 31/12/2021, số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên tại 127 đơn vị trực thuộc Sở là 9.938 người.

+ Sở Y tế: 1.234 tỷ đồng. Năm 2021, Sở Y tế có 80 đơn vị trực thuộc: Gồm 41 bệnh viện; 30 Trung tâm y tế; 03 đơn vị quản lý nhà nước; 06 trung tâm chuyên khoa. Trong đó: (i) 11/41 bệnh viện được phân loại là đơn vị tự chủ chi hoạt động thường xuyên nhưng không đảm bảo được chi hoạt động thường xuyên trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, do đó một phần các khoản chi cho con người tại 11 bệnh viện chi từ nguồn ngân sách nhà nước; (ii) 03 bệnh viện được ngân sách cấp toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và 02 cơ quan quản lý nhà nước (chi cục dân số, chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm) có các khoản chi cho con người toàn bộ từ nguồn ngân sách cấp; (iii) Có 03 đơn vị có hoạt động thu phí (gồm Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm, văn phòng Sở Y tế, Trung tâm giám định y khoa) sẽ chi một phần các khoản chi cho con người từ nguồn thu phí, còn lại chi từ nguồn ngân sách; (iiii) Các đơn vị còn lại chi các khoản cho con người chủ yếu từ ngân sách, một phần chi từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh.

- Chi phí khác (MS 37) đạt **14.329** tỷ đồng (chiếm 33,39% chi phí từ nguồn NSNN).

### **Biến động chi phí từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2021**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người	17.131	39,91%	16.802	328	1,95%
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ	2.562	5,97%	2.600	-38	-1,47%
Chi phí hao mòn	8.791	20,48%	2.646	6.144	232,17%
Chi phí tài chính	107	0,25%	383	-275	-71,97%
Chi phí khác	14.329	33,39%	17.553	-3.224	-18,37%
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.920</b>	<b>100%</b>	<b>39.985</b>	<b>2.934</b>	

## 2.2. Chi phí từ nguồn ngoài NSNN

### Biến động chi phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2020	Biến động	
	Tiền	%	Tiền	Tiền	%
Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người	7.486	49,00%	8.086	-601	-7,43%
Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ	1.078	7,06%	1.373	-295	-21,49%
Chi phí khấu hao	239	1,56%	214	25	11,68%
Chi phí tài chính	21	0,14%	13	7	55,24%
Chi phí khác	6.454	42,24%	4.776	1.677	35,11%
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.277</b>	<b>100%</b>	<b>14.463</b>	<b>814</b>	

Chi từ nguồn ngoài NSNN (MS 50) năm 2021 là **15.277** tỷ đồng, tăng 814 tỷ đồng (tương đương 5,63%) so với năm 2020; trong đó:

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người (MS 51) là 7.486 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 49% tổng chi phí. Trong đó Sở Y tế là đơn vị có số chi lớn nhất với 5.151 tỷ đồng gồm chủ yếu thuốc, vật tư, máu, hóa chất, sinh phẩm dịch truyền... khám chữa bệnh cho người bệnh, giá vốn của thuốc bán tại nhà thuốc và một phần lương cho bộ phận trực tiếp khám chữa bệnh cho người bệnh. Chi phí thuốc, vật tư, máu, dịch truyền... phục vụ khám chữa bệnh chiếm tỷ trọng lớn<sup>13</sup>.

- Chi phí khác (MS 55) là 6.454 tỷ đồng, đạt 42,24% tăng 1.677 tỷ đồng so với năm 2020, tương đương 35,11%. Chủ yếu là các khoản chi hoạt động dịch vụ công ích (thoát nước, công viên cây xanh, chiếu sáng đô thị...) do thành phố giao Sở Xây dựng quản lý; chi mua sắm vật tư, xuất kho thuốc... của các đơn vị thuộc Sở Y tế.

### 2.3. Đánh giá tổng quát

Các hoạt động thu chi NSNN vẫn là nguồn hình thành chủ yếu các khoản thặng dư tài chính hàng năm của thành phố. Đây là một kết quả tích cực, tạo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội của thành phố trong những năm tiếp theo.

Doanh thu và chi phí của hoạt động ngoài NSNN còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Điều này phản ánh các khoản thu chi NSNN vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu

<sup>13</sup> Theo báo cáo thuyết minh của Sở Y tế, trong số liệu 5.151 tỷ đồng, có khoảng 2.700 triệu đồng là chi cho con người, còn lại khoảng 2.452 là chi thuốc, máu, dịch truyền, vật tư, dụng cụ... dùng cho KCB và giá vốn thuốc bán tại nhà thuốc của các cơ sở y tế



của nhà nước; mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp. Doanh thu không thuộc NSNN năm 2021 đã giảm 11,78% so với năm 2020 (chủ yếu đến từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế...), do nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp giảm vì ảnh hưởng của dịch Covid-19.

### **3. Về thặng dư tài chính của Thành phố**

Thặng dư tài chính của Thành phố năm 2021 là 51.516 tỷ đồng; giảm 16.931 tỷ đồng (tương đương 24,74%) so với năm 2020. Trong đó:

**3.1. Thặng dư trong NSNN năm 2021** là 53.909 tỷ đồng, giảm 13.793 tỷ đồng (tương đương 20,37%) so với năm 2020;

**3.2. Thâm hụt nguồn ngoài NSNN năm 2021** là 2.393 tỷ đồng, giảm 3.138 tỷ đồng so với năm 2020.

**3.3. Giải trình một số khác biệt trọng yếu giữa BCTCNN Thành phố và báo cáo quyết toán NSNN Thành phố năm 2021.**

Phạm vi và phương pháp lập BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN (BCQTNS) có nhiều điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu. Có thể chỉ ra một số khác biệt trọng yếu như sau:

#### **- Phương pháp tổng hợp số liệu thu:**

+ Số thu NSNN trên BCQTNS bao gồm các chỉ tiêu:

- (1) Các khoản thu NSDP hưởng 100%
- (2) Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSDP
- (3) Thu từ quỹ dự trữ tài chính
- (4) Thu kết dư
- (5) Thu chuyển nguồn
- (6) Thu viện trợ
- (7) Thu bổ sung từ NS cấp trên
- (8) Thu từ NS cấp dưới nộp lên

+ Doanh thu trên BCTCNN bao gồm các chỉ tiêu:

Một phần hoặc toàn bộ các khoản (1), (2), (6), (7) nêu trên. Các khoản (3), (4), (5), (8) không được phản ánh vào doanh thu thuộc NSNN vì đây là các giao dịch nội bộ được loại trừ (khoản 8) hoặc được ghi nhận trong số dư đầu kỳ của chỉ tiêu Tiền & tương đương tiền (khoản 3, 4, 5).

Doanh thu NSNN trên BCTCNN phản ánh số liệu phải thu NSNN của cơ quan thuế đến hết năm, do cơ quan thuế quản lý phát sinh trong năm theo Tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo

cáo; trong khi đó số quyết toán thu NSNN trên BCQTNS chỉ phản ánh số thực thu NSNN trong năm.

**- Phương pháp tổng hợp số liệu chi:**

+ Số chi trên BCQTNS bao gồm các chỉ tiêu: các khoản chi bằng tiền trong năm và chi tiết theo hoạt động: chi đầu tư phát triển, chi trả nợ lãi phí tiền vay, chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính; chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới, chi chuyển nguồn sang năm sau; chi nộp ngân sách cấp trên

+ Chi phí trên BCTCNN bao gồm các chỉ tiêu: Các khoản chi phát sinh trong năm làm giảm lợi ích của đơn vị (bao gồm các khoản chưa chi bằng tiền và chi tiết theo yếu tố chi phí: con người; công cụ, dụng cụ, dịch vụ; hao mòn/khấu hao; tài chính; khác.

Một số nội dung khác biệt cụ thể:

• Chi ĐTXDCB:

Trên BCTCNN: số chi phí từ nguồn NSNN cho đầu tư XD CB, số liệu chi phí khấu hao, hao mòn TSCĐ (hình thành từ NSNN do mua sắm hoặc do chi đầu tư XD CB) chỉ được trích dần theo từng năm (tương ứng với tỷ lệ khấu hao, hao mòn theo quy định) từ khi bàn giao TSCĐ hoặc công trình XD CB vào sử dụng.

Trên BCQTNS: số chi NSNN cho ĐTXDCB hàng năm cho công trình được tổng hợp toàn bộ vào báo cáo quyết toán chi NSNN theo niên độ ngân sách.

• Một số khoản chi khác: trên BCTCNN, chi phí từ nguồn NSNN không tổng hợp các số liệu chi NSNN như: chi chuyển nguồn; loại trừ các khoản chi bổ sung cân đối, bổ sung mục tiêu... giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; chi cho hoạt động an ninh, quốc phòng; chi hỗ trợ cho các đơn vị khác đóng trên địa bàn.

**- Phương pháp tính số kết dư trong BCQTNS và Thặng dư trong BCTCNN:**

+ BCTCNN: Thặng dư trong năm phản ánh kết quả hoạt động trong năm tài chính (chênh lệch giữa doanh thu và chi phí trong năm, bao gồm cả phần ngoài ngân sách).

+ BCQTNS: Kết dư là chênh lệch giữa số tiền thu vào (bao gồm cả tiền thu được nhưng không phải là thu nhập trong năm như: thu chuyển nguồn, thu kết dư...) và số tiền chi ra NS trong năm (bao gồm số tiền chi ra nhưng không phải là chi phí trong năm như: chi chuyển nguồn...). Ngoài ra, chi phí hao mòn/khấu hao TSCĐ (trong NS) không phải là khoản chi trên BCQTNS.

**- Thời điểm tổng hợp số liệu báo cáo:**

BCQTNS tổng hợp số liệu đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách 2021, trong khi đó, BCTCNN năm 2021 tổng hợp số liệu hết 31/12/2021<sup>14</sup>.

### **III. Về dòng tiền NSNN trên phạm vi thành phố - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phụ lục III đính kèm)**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ thể hiện dòng tiền vào, ra của Thành phố trong kỳ báo cáo, số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo. Lưu chuyển tiền thuần năm 2021 là +73.479 tỷ đồng, trong đó:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu (tổng doanh thu năm 2021 gồm thuế, phí, lệ phí... sau khi điều chỉnh các khoản mục phi tiền tệ để tính toán dòng tiền vào/ra) là +150.576 tỷ đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư có số dư âm -79.886 tỷ đồng, trong đó:

+ Chi mua sắm đầu tư xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác -82.884 tỷ đồng, chi cho vay góp vốn và đầu tư hơn -1.152 tỷ đồng.

+ Thu về hoạt động đầu tư 4.150 tỷ đồng bao gồm các khoản: Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác là 317 tỷ đồng; Tiền thu gốc khoản cho vay, bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư gần 3.057 tỷ đồng; Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 775 tỷ đồng.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính có số dư +2.789 tỷ đồng trong đó:

+ Chi hoàn trả khoản gốc vay -51 tỷ đồng, chi hoạt động tài chính khác là -15 tỷ đồng,

+ Thu về hoạt động tài chính hơn 2.855 tỷ đồng bao gồm: Thu tiền các khoản vay gần 2.831 tỷ đồng và thu tiền từ hoạt động tài chính khác 24 tỷ đồng.

Nếu xét trong một kỳ thì dòng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính âm có thể coi đó là sự phát triển chủ động trong các khoản trả nợ vay, tiếp tục mở rộng đầu tư phát triển góp phần tăng thu cho NSNN làm tăng thặng dư từ hoạt động chính.

### **IV. Thuyết minh BCTCNN (Phụ lục IV đính kèm)**

Theo quy định, Thuyết minh BCTCNN thành phố bao gồm 2 phần: phần thuyết minh (phần lời) và phần số liệu. Phần thuyết minh nêu một số các nội dung liên quan để làm rõ hơn về tình hình kinh tế xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và đặc biệt là giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 3 báo cáo tài chính nhà

<sup>14</sup> Riêng số liệu nhận bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương được tính đến hết thời gian chỉnh lý.

nước nêu trên chưa chi tiết được. Phần số liệu được nêu chi tiết hơn đối với một số số liệu quan trọng, trọng yếu trong 3 báo cáo đã nêu như: chi tiết các nguồn doanh thu từ các loại thuế (TNDN, VAT...), phí, lệ phí và doanh thu khác...

Trên đây là BCTCNN thành phố Hà Nội năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố kính báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét./. *nkj*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND Thành phố;
- KBNN Hà Nội;
- VPUB: CVP, Các PCVP, Các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH. *nkj*

62016 - 45

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Minh Hải** *nkj*

